

Bản án số: 88/2017/HSST
Ngày 24/11/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà **Lương Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:* - 1. Bà **Ngô Thị Nguyệt.

-2. Ông **Phạm Công Chấn**.

** Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Vũ Thị Thu Trang** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:*

Ông **Đào Duy Đông** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn N** - sinh năm 1981;

Tên gọi khác: Không;

Sinh, trú quán: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Trình độ văn hóa: Lớp 2/12;

Đảng, đoàn thể: Không;

Bố đẻ: Hoàng Văn C; Mẹ đẻ: Lý Thị B, (đều đã chết);

Anh, chị em ruột: **Không**;

Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1982;

Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010;

Tiền án: Có 01 tiền án: Năm 2013 phạm tội trộm cắp tài sản **trị giá 3.200.000 đồng**, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử tại bản án số 10/HSST, ngày 30/01/2013, xử phạt N 12 tháng tù, tính đến thời điểm phạm tội mới Nghĩa chưa chấp hành xong phần án phí;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2017, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Hiện có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

1. Ông **Đ** – Sinh năm 1967 (Vắng mặt).

2. Anh **V** – Sinh năm 1986(Vắng mặt).

3. Ông **G** – Sinh năm 1982(Vắng mặt).

Đều trú quán: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Nguyên đơn dân sự:**

1. UBND xã H do ông **G** – Sinh năm 1941 là đại diện.
Trú quán: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang(Vắng mặt).
2. UBND xã T do ông **D** – Sinh năm 1952 là đại diện(Vắng mặt).
Trú quán: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
3. Ban quản lí đền B do ông **T**– Sinh năm 1957 là đại diện(Vắng mặt).
Trú quán: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hoàng Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hoàng Văn N là đối tượng nghiện chất ma túy. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2015, N đã cùng với Đặng Văn M sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang thực hiện trộm cắp tài sản tại các đình, đền, chùa trên địa bàn huyện L. Cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 10 giờ vào một ngày tháng 10/2015, M đi xe mô tô của M chở Hoàng Văn N đến Đền H thuộc thôn K, xã H mục đích để trộm cắp tài sản. Khi vào sân Đền H, M chui qua ô thoáng cửa vào bên trong thấy có 01 chiếc chuông đồng dạng chuông gõ mõ, M lấy chiếc chuông này rồi mở chốt cửa đi ra ngoài. Sau đó M cùng với N đem chiếc chuông đồng này đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh L - sinh năm 1960 ở thôn S, xã T, huyện L bán cho anh L được số tiền 180.000 đồng, M chia cho N 100.000 đồng, còn 80.000 đồng, số tiền trên N và M đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông G là người trực tiếp trông coi, quản lý Đền phát hiện bị mất tài sản đã có đơn trình báo gửi Công an huyện L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành làm việc với anh L, nhưng anh L xác định không được mua chuông đồng của M. Quá trình điều tra, do vật chứng của vụ án không thu giữ được và không có căn cứ để xác định được trọng lượng của chiếc chuông đồng của đền H đã bị mất nên không tiến hành định giá được để xác định trị giá tài sản của chiếc chuông đã bị mất.

Lần thứ 2: Khoảng 11 giờ vào một ngày cuối tháng 10/2015, Hoàng Văn N cùng với Đặng Văn M đi đến khu di tích Đền, đình, chùa N thuộc thôn B, xã T, huyện L mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi N ở ngoài cảnh giới, còn M vào bên trong trộm cắp được 03 chiếc chuông bằng đồng (loại chuông gõ mõ). Sau khi trộm cắp được 03 chiếc chuông M cùng N đem đến bán cho ông H - sinh năm 1962, trú quán thôn A, xã N, huyện N, tỉnh N (H làm nghề thu mua phế liệu tại thôn T, xã K, huyện L được số tiền 780.000 đồng, số tiền này M cùng N chi tiêu cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản (chuông đồng), ông D là người trông coi, quản lý khu di tích Đền, đình, chùa N đã có đơn trình báo gửi Công an huyện L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08 ngày 03/12/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L đã kết luận: 02 chiếc chuông đồng trọng lượng 6,5kg, đường kính miệng 22,5cm trị giá 12.000.000 đồng; tại bản Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 03/12/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L đã kết luận: 01 chiếc chuông đồng trọng lượng 5kg, đường kính miệng 20cm trị giá 3.800.000 đồng.

Ngày 19/01/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã quyết định xử lý vật chứng trả lại 03 chiếc chuông đồng cho ông D là người đại diện cho Đền, đình, chùa N.

Lần thứ 3: Vào một ngày trong tháng 11/2015 M đi xe mô tô của M chở Hoàng Văn N đến Đình làng của thôn B, xã K, huyện L mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi quan sát không có người trông coi, M cùng N đi đến cửa đình thấy cửa khóa. M đi tìm được 01 thanh sắt dài khoảng 40cm gần đó cạy phá khóa cửa. Khi mở được cửa, M cùng N đi vào bên trong Đình trộm cắp được 01 chiếc chuông đồng, loại chuông gõ mõ và 01 chiếc chiêng đồng. N trộm cắp được 01 chiếc siêu đun nước bằng điện, rồi cả hai đi về. Sau đó M cùng N đem chiếc chiêng đồng và chiếc siêu điện đến bán cho H được số tiền 690.000 đồng, M chia cho N 350.000 đồng, còn lại 340.000 đồng M đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông T - sinh năm 1957, trú tại thôn B, xã K, huyện L là người trông coi, quản lý đình làng thôn B có đơn trình báo gửi Công an huyện L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ, ngày 03/12/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L đã kết luận: 01 chiếc chiêng đồng trị giá 1.800.000 đồng, 01 siêu đun nước trị giá 250.000 đồng.

Đối với chiếc chuông đồng (loại chuông gõ mõ) quá trình điều tra do vật chứng của vụ án không thu hồi được và cũng không có căn cứ để xác định được trọng lượng của chiếc chuông đã bị mất nên không tiến hành định giá được để xác định giá trị tài sản của chiếc chuông đã bị mất.

Ngoài hành vi cùng với Đặng Văn M thực hiện trộm cắp tài sản tại các Đình, đền, chùa như đã nêu trên vào tháng 10/2015, quá trình điều tra Hoàng Văn N còn khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại thôn H, xã K. Cụ thể:

Về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Vụ thứ nhất: Khoảng cuối tháng 11/2016 N đi đến nhà anh Đ hỏi xe mô tô đi ra thị trấn C, huyện L đón bạn gái, anh Đ đồng ý và cho N mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu EX50 SYMEX50 màu sơn xanh, biển số: 98AB-012-XX. Mượn được xe, N điều khiển xe ra thị trấn C gặp bạn gái là chị P và hai người ngồi uống nước một lúc thì N hỏi chị P vay tiền, chị P nói không có. Do cần tiền tiêu nên N đã đi chiếc xe mô tô mượn của anh Đ đến nhà anh K sinh năm 1990, trú tại Làng C, thị trấn C, huyện L hỏi vay anh K số tiền 1.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô mượn của anh Đ để làm tin. Số tiền vay được của anh K, N đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 172/KL-HĐ, ngày 17/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: Chiếc xe mô tô EX50, nhãn hiệu SYMEX50 màu sơn xanh, biển kiểm soát 98AB-012-XX, xác định giá trị ở thời điểm chiếm đoạt là: 8.840.000 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vụ thứ 2: Khoảng 11 giờ ngày 12/4/2017, Hoàng Văn N đi bộ đến nhà anh V ở cùng thôn, gặp anh V, N hỏi anh V cho mượn xe mô tô đi ra thị trấn C có việc, anh V đồng ý cho N mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM (POWER), màu sơn đen, biển kiểm soát: 98H3-15XX. Mượn được xe, N điều khiển đi ra thị trấn C, trên đường về thấy xe mô tô của anh V đã cũ nát, nhìn thấy có cửa hàng thu mua phế liệu cạnh đường bên phải hướng C – K, thuộc thôn S, xã T, huyện L, N nảy sinh ý định bán

chiếc xe mô tô của anh V lấy tiền tiêu sài. N đem xe mô tô vào ga bán cho ông L chủ cửa hàng được số tiền 300.000 đồng, số tiền trên N đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 171/KL-HĐ, ngày 14/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L đã kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM (POWER), màu sơn đen, biển kiểm soát 98H3-15XX có giá trị ở thời điểm chiếm đoạt là: 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Về hành vi Trộm cắp tài sản:

Khoảng 11 giờ ngày 17/02/2017 Hoàng Văn N đi bộ qua cổng nhà anh G ở cùng thôn, thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SHMOTO, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 98M2-83XX dựng ở sân, quan sát thấy nhà ông G không có ai ở nhà nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên mang bán lấy tiền tiêu sài. N đi đến chỗ dựng xe mô tô thấy có chìa khóa treo ở xe, N dùng chìa khóa mở khóa điện rồi điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp của gia đình ông G đi đến đầu cầu N bán cho một người qua đường không quen biết được 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Số tiền trên N đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 170/KL-HĐ, ngày 14/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L đã kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SHMOTO, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 98M2-83XX có giá trị ở thời điểm chiếm đoạt là: **1.600.000** đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 92/KSĐT ngày 03 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn N về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hoàng Văn N đã khai nhận đúng hành vi phạm tội và thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” và “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là không oan sai, đúng người, đúng tội, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Phát biểu luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phân tích tính chất vụ, giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng đối với bị cáo và đề xuất ý kiến xử phạt bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 01 năm đến 01 năm ba tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 21 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/7/2017.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn N phải bồi thường cho anh G số tiền 1.600.000đồng, bồi thường cho anh Đ số tiền là 6.000.000đồng, bồi thường cho V số tiền 1.800.000đồng.

* Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Các điều 3; 21; 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, 470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi thẩm tra toàn diện đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ. Nghe lời khai nhận của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận của bị cáo Hoàng Văn N phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đủ căn cứ khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2015 đến 17/02/2017, Hoàng Văn N đã cùng với Đặng Văn M sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã K, huyện L, **nhiều lần** trộm cắp tài sản tại các Đình, Đền, Chùa trên địa bàn huyện L, gồm: Đền H xã H 01 chiếc chuông đồng; Đình, Chùa N xã T và 03 chiếc chuông đồng có tổng trị giá là 15.800.000 đồng; Đình làng thôn B, xã K 01 chiếc chuông đồng, 01 chiếc siêu điện có tổng trị giá 2.050.000 đồng. Tổng trị giá tài sản **Hoàng Văn N** đã trộm cắp là 17.850.000 đồng. Ngày **17/02/2017** Hoàng Văn N trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SHMOTO, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 98M2-83XX, trị giá 1.600.000 đồng của gia đình ông G ở cùng thôn; Ngoài ra vào cuối tháng 11/2016 Hoàng Văn N đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu EX50 SYMEX50 màu sơn xanh, biển số: **98AB-012.XX** trị giá 8.840.000 đồng của gia đình anh Đ; ngày 12/4/2017, N thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM (POWER), màu sơn đen, biển kiểm soát 98H3-15XX trị giá 1.800.000 đồng của gia đình anh V đều ở cùng thôn.

Như vậy, hành vi lén lút, lợi dụng lúc chủ sở hữu tài sản không có mặt ở đó để chiếm đoạt tài sản với trị giá như trên của bị cáo Hoàng Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điều 138 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân trong quản lý tài sản nên phải lên một bản án nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, năm 2013 đã bị tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay chưa được xóa án tích. Nhưng bị cáo không chịu cải sửa mà còn tiếp tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Do bị cáo không chịu cải sửa rèn luyện nên cần áp dụng điều 33 Bộ luật hình sự cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cao hơn mức khởi điểm mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với hành vi bị cáo trộm cắp tại đình làng B, xã K, quá trình điều tra ông T xác định đình làng thôn B ngoài bị mất 01 chiếc chuông đồng; 01 chiếc chuông đồng; 01 siêu điện thì còn bị mất số tiền 7.000.000 đồng nhưng N và M chỉ thừa nhận trộm cắp 01 chuông đồng, 01 chuông đồng và 01 siêu điện. Ngoài lời khai của ông T không

còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để buộc N và M đã trộm cắp của Đình làng thôn B số tiền 7.000.000 đồng.

Đối với Đặng Văn M và Đoàn Văn H đã bị xét xử tại bản án số 42/2016/HSST, ngày 30/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đối với ông L, quá trình điều tra N khai sau lần trộm cắp được tài sản tại Đền H thuộc xã H 01 chiếc chuông đồng, N và M đã đem bán cho L nhưng L không thừa nhận. Ngoài lời khai của M không có chứng cứ khác để chứng minh nên không có căn cứ xử lý đối với L.

Đối với anh K, N khai khi mượn xe mô tô của anh Đ, N cầm cố để vay anh K số tiền 1.000.000 đồng, quá trình điều tra anh K không thừa nhận việc cầm cố chiếc xe mô tô của N. Quá trình điều tra đã cho N và anh K đối chất nhưng không có kết quả, nên không có căn cứ xử lý đối với anh K. Chiếc xe mô tô của anh Đ hiện không thu hồi được.

Đối với ông L, N khai khi mượn xe mô tô của anh V, N bán cho ông L được số tiền 300.000 đồng, quá trình điều tra ông L không thừa nhận việc mua chiếc xe mô tô của N. Quá trình điều tra đã cho N và ông L đối chất nhưng không có kết quả, nên không có căn cứ xử lý đối với ông L. Chiếc xe mô tô của anh V hiện không thu hồi được.

Đối với người đàn ông N khai sau khi trộm cắp được xe mô tô của ông G, N đem bán cho người đàn ông tại trên cầu N, quá trình điều tra, N xác định không biết tên tuổi, địa chỉ của người đã mua xe trên, nên không có căn cứ xử lý. Chiếc xe mô tô của ông G hiện không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với 03 vụ án Hoàng Văn N tham gia trộm cắp cùng Đặng Văn M tại các đình chùa đã được xử lý trong vụ án trước. Nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Anh G yêu cầu Hoàng Văn N phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh số tiền 5.000.000đồng (cao hơn kết luận định giá); anh Đ yêu cầu N bồi thường thiệt hại cho anh số tiền 6.000.000đồng (thấp hơn kết luận định giá); anh V yêu cầu N phải bồi thường thiệt hại cho anh theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của anh G cao hơn kết luận định giá nên không có căn cứ chấp nhận như anh G yêu cầu, yêu cầu của anh Đ thấp hơn kết luận định giá nhưng có lợi cho bị cáo nên có căn cứ chấp nhận. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đ như anh Đ yêu cầu và bồi thường cho anh G, anh V như kết luận định giá.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục ngạn:

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “ Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Hoàng Văn N 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/7/2017.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn N phải bồi thường cho anh G số tiền 1.600.000đồng, bồi thường cho anh Đ số tiền là 6.000.000đồng, bồi thường cho V số tiền 1.800.000đồng.

* Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Các điều 3; 21; 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, 470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, nguyên đơn dân sự quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện lục ngạn;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà